TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 01 – 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Khel .

Ông Nguyễn Phước .

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Nguyễn Minh Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 156/2024/TLST–HNGĐ, ngày 17/10/2024, về "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 627/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Điều Thị Hồng H, sinh ngày 01/01/1984. Địa chỉ: số C đường T, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Danh L, sinh năm 1970. Địa chỉ: số D đường T, Khóm B, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Điều Thị Hồng H trình bày:

Bà Điều Thị Hồng H và ông Danh L kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 163/2007 ngày đăng ký 01/11/2007. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân. Hiện nay bà H và ông L không còn chung sống cùng nhau hơn 10 năm nay.

Trong quá trình chung sống, ông bà có 03 người con chung tên Danh T, sinh ngày 17/7/2002, Danh T1, sinh ngày 19/11/2004, D Tiên sinh ngày 21/6/2007. Hiện nay đang sống cùng với ông Danh L.

Trong quá trình chung sống, ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung.

Nay bà Điều Thị Hồng H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Điều Thị Hồng H xin được ly hôn với ông Danh L.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà H đề nghị ông Danh L được trực tiếp nuôi con chung là Danh T2 đến khi đủ 18 tuổi và bà H không cấp dưỡng nuôi con. Đối với hai người con chung là Danh T và Danh T1 hiện đã trưởng thành phát triển khỏe mạnh, bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Danh L đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không có yêu cầu phản tố gửi Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

- Các tình tiết, sự kiện không cần chứng minh: Bị đơn không phản đối các tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là các tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Danh L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Điều Thị Hồng H và ông Danh L tự nguyện kết hôn vào năm 2007 và được Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 163/2007 ngày đăng ký 01/11/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, tình trạng hôn nhân của ông bà phát sinh mâu thuẫn, không còn chung sống cùng nhau, không yêu thương chăm sóc lẫn nhau, ông bà đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông Danh L.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Theo lời trình bày của bà H và bản sao Giấy khai sinh của Danh T2, D, Danh T thể hiện trong thời gian chung sống, ông bà có 03 người con chung tên Danh T, sinh ngày 17/7/2002, Danh T1 sinh ngày 19/11/2004 và D Tiên sinh ngày 21/6/2007. Hiện nay đang sống cùng với ông Danh L. Sau khi ly hôn, bà H đề nghị giao D cho ông Danh L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Đối với Danh T và Danh Tiền hiện nay đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nhận thấy, từ khi bà H và ông Danh L không chung sống cùng nhau đến nay, cháu Danh T2 do ông Danh L trực tiếp nuôi dưỡng nên việc bà H đề nghị ông Danh L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Danh T2 là phù hợp và ông Danh L cũng không có ý kiến phản đối nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Danh L và các thành viên gia đình không ai được cản trở bà H trong việc thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Danh L không có ý kiến yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định trong thời gian chung sống bà H và ông Danh L không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Điều Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng bà H đã tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001995 ngày 01/10/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Ông Danh L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Điều Thị Hồng H.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Điều Thị Hồng H và ông Danh L được ly hôn.

2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao cháu Danh T2, sinh ngày 21/6/2007 cho ông Danh L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu Danh T2 đủ 18 tuổi.

Ông Danh L và các thành viên gia đình không ai được cản trở bà H trong việc thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Ông Danh L không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Điều Thị Hồng H xác định trong thời gian chung sống bà H và ông Danh L không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Điều Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng bà H đã tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001995 ngày 01/10/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Ông Danh L không phải chịu án phí.

5/. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với trường hợp vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Chi Cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- UBND Phường 5, thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trúc Phương